TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 61/2020/HSST
Ngày 08 tháng 12 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:** Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** và ông **Đinh Duy Quyết**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà **Vũ Như Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2020/HSST ngày 03/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Đình N *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1975; tại xã G, huyện V, tỉnh N; Nơi cư trú thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình C và bà Trần Thị B; có vợ Mai Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 92/QĐ-XPHC ngày 16/03/2020, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Đình N1 *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1985; tại xã G, huyện V, tỉnh N; Nơi cư trú thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình V và bà Trần Thị B; có vợ Trần Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 97/QĐ-XPHC ngày 16/03/2020, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Trịnh Văn T,** sinh năm 1977; Nơi cư trú thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N. (Có mặt).

Anh **Trần Văn C,** sinh năm 1984; Nơi cư trú thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt).

Anh **Nguyễn Đình T1,** sinh năm 1976; Nơi cư trú thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Anh **Đỗ Văn K**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 31/8/2020, Trịnh Đình N cùng Trịnh Đình N1, Trần Văn C và Nguyễn Đình T1 ăn cơm tại nhà của Trình Đình N ở thôn M, xã G, huyện V. Sau đó N, N1, C và T1 ngồi uống nước nói chuyện tại phòng khách. Quá trình ngồi nói chuyện, C rủ đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, N, N1 và T1 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, C cầm bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên giường tại phòng khách nhà N rồi cùng N, N1 và T ngồi xuống chiếc chiếu trải sẵn ở gian bếp của gia đình N để đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền. Mức đặt cược mỗi ván thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Trịnh Văn T đến và tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 03 phút sau, anh Đỗ Văn K, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã G đến chơi. T lấy 80.000 đồng trong số tiền chầu gà dưới chiếu bạc nhờ anh K đi mua nước uống và thuốc lá về dùng chung. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi N, N1, C, T1 và T đang đánh bạc thì bị Công an xã G phát hiện. Thu tại chiếu bạc số tiền 630.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói đã qua sử dụng. Ngoài ra, còn thu của Trịnh Văn T 01 ví giả da màu nâu bên trong có 40.000 đồng; thu trên người của Trịnh Đình N1 01 điện thoại di động Itel màu đen loại bàn phím và số tiền 900.000 đồng; thu của Trần Văn C 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xám; thu của Nguyễn Đình T1 01 điện thoại nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím và 5.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: số tiền Trịnh Đình N, Trần Văn C, Trịnh Đình N1, Trịnh Văn T và Nguyễn Đình T1 sử dụng vào việc đánh bạc ngày 31/8/2020 là 710.000 đồng (*gồm 630.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và 80.000 đồng K lấy trong số tiền chầu gà dưới chiếu bạc để đi mua nước uống và thuốc lá)*

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS-GV ngày 03/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội "**Đánh bạc"**, theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của

bị cáo gây ra cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N phạm tội "**Đánh bạc"**; Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trịnh Đình N** từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ; và bị cáo **Trịnh Đình N1** từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đều tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ mỗi bị cáo từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo **Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo. Phạt tiền bổ sung đối với **Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N** mỗi người từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 630.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói, thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Trả lại bị cáo **Trịnh Đình N1** số tiền 900.000 đồng và 01 điện thoại di động Itel màu đen loại bàn phím, là số tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1 là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Đánh bạc*" chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút ngày 31/8/2020, tại gian bếp nhà Trịnh Đình N ở thôn M, xã G, huyện V, bị cáo Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1 lại sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đánh bài dưới hình thức đánh *"Liêng"* được thua bằng tiền cùng với Trần Văn C, Trịnh Văn T và Nguyễn Đình T1 đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị Công an xã V, huyện V, tỉnh N bắt quả tang với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 710.000 đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321. Tội đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Hành vi của bị cáo Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1 đã nêu trên là phạm tội "Đánh bạc", được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, có gia đình vợ con, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Trịnh Đình N tuy không phải là người khởi xướng, rủ rê, nhưng Trịnh Đình N là người đã dùng gian bếp của gia đình mình, rồi cùng các đối tượng đánh bạc. Do vậy, N giữ vai trò đầu trong vụ án. Đối với Trịnh Đình N1 đều là người tích cực thực hiện hành vi đánh bạc. Do vậy, N1 giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[8]. Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Đình N1 và Trịnh Đình N mỗi người có một tiền sự.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với bị cáo Trịnh Đình N, Trịnh Đình N1 ngày 08/9/2020, là 4.000.000 đồng/tháng thành tiền là 400.000 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung thêm đối với bị cáo Trịnh Đình N, Trịnh Đình N1 theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cũng đủ điều kiện để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[10]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên Tòa đã xác định số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 710.000 đồng (*gồm 630.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và 80.000 đồng K lấy trong số tiền chầu gà dưới chiếu bạc đã đi mua thuốc lá và nước uống hết)*, số tiền còn lại 630.000 đồng. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói đã qua sử dụng, thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị. Do vậy, cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 900.000 đồng, 01 điện thoại di động Itel màu đen loại bàn phím, thu giữ của Trịnh Đình N1. Quá trình điều tra xác định đây là tiền và tài sản của Năm, không sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần trả lại cho N1, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 ví giả da màu nâu bên trong có 40.000 đồng, thu giữ của Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xám, thu giữ của Trần Văn C; số tiền 5.000 đồng, thu giữ của Nguyễn Đình T1. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản và tiền của T, C, T1, không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại số tài sản trên cho T, C, T1 là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Bavatel màu đen loại bàn phím thu giữ của Nguyễn Đình T1, quá trình điều tra xác định T1 không sử dụng vào việc đánh bạc

ngày 31/8/2020. Tuy nhiên, kiểm tra nội dung tin nhắn trong điện thoại phát hiện việc mua bán số lô số đề. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Viễn đã chuyển chiếc điện thoại trên để xử lý trong vụ án khác.

[11]. Trong vụ án còn có Trần Văn C, Trịnh Văn T và Nguyễn Đình T1 tham gia đánh bạc ngày 31/8/2020 cùng với Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1, với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 710.000 đồng. Tuy nhiên trước khi thực hiện hành vi đánh bạc T, C và T1 đều chưa có tiền án, tiền sự về tội "*Đánh bạc*", và tội "*Tổ chức đánh bạc*" hoặc "*Gá bạc*"; nên hành vi nêu trên của các đối tượng chưa đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Công an huyện V ra quyết định xử phạt hành chính *(phạt tiền)* đối với Trần Văn C, Trịnh Văn T và Nguyễn Đình T1, là phù hợp.

[12]. ***Về án phí***: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1*** phạm tội ***"Đánh bạc"***.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Đình N** 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 12 (Mười hai) tháng, mỗi tháng là 400.000 đồng/tháng. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Đình N1** 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 09 (Chín) tháng, mỗi tháng là 400.000 đồng/tháng. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo **Trịnh Đình N** và **Trịnh Đình N1** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời giam cải tạo.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 630.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói, thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Trả lại bị cáo **Trịnh Đình N1** số tiền 900.000 đồng và 01 điện thoại di động Itel màu đen loại bàn phím, là số tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước và số tiền trả lại cho bị cáo gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, trả lại cho bị cáo theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/11/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:*** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trịnh Đình N và Trịnh Đình N1 mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn)đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành